LIÊN VĂN BẢN VÀ TIẾP NHẬN: DẤU VẾT SƯU THẦN KÝ TRONG CÔNG DƯ TIỆP KÝ VÀ SỰ TIẾP BIẾN THUYẾT THOẠI TRUNG QUỐC TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM

INTERTEXTUALITY AND RECEPTION: TRACES OF "SOU SHEN JI" IN "CÔNG DƯ TIỆP KÝ" AND THE ADAPTATION OF CHINESE TALE TRADITIONS IN VIETNAMESE LITERATURE

Phạm Thị Thúy Hằng[*]✉

Nhận bài: 15/7/2026; Nhận kết quả bình duyệt: 06/08/2026; Chấp nhận đăng: 20/08/2026
©2026 Trường Đại học Thăng Long

Tóm tắt

Trong lịch sử văn học Đông Á, sự lưu thông và chuyển hóa motif giữa các bộ thuyết thoại là hiện tượng phổ biến, phản ánh quá trình giao lưu văn hóa khu vực. Bài tham luận tập trung khảo sát mối quan hệ liên văn bản giữa Sưu thần ký *(搜神記) của Can Bảo (Trung Quốc, thế kỷ IV) và "Công dư tiệp ký" của Vũ Phương Đề (Việt Nam, thế kỷ XVIII). Trên cơ sở đối chiếu một số truyện có cốt truyện, nhân vật, hoặc chi tiết tương đồng, nghiên cứu chỉ ra các dấu vết từ truyền thống thuyết thoại Trung Hoa in đậm trong* Công dư tiệp ký*, đồng thời nhận diện các phương thức tiếp biến của Vũ Phương Đề: thay đổi bối cảnh địa lý, gắn kết với lịch sử và tín ngưỡng bản địa, điều chỉnh ý nghĩa đạo đức phù hợp tâm thức người Việt. Bài viết vận dụng lý thuyết liên văn bản và tiếp nhận để lý giải cơ chế tiếp biến. Kết quả nghiên cứu góp phần làm sáng tỏ sự tiếp nhận và sự tái tạo năng động của thuyết thoại Việt Nam trong*

Abstract

In the history of East Asian literature, the circulation and transformation of motifs among collections of tales of the strange is a common phenomenon, reflecting the dynamics of regional cultural exchange. This paper focuses on examining the intertextual relationship between Sou Shen Ji (搜神記, In Search of the Supernatural) by Gan Bao (China, 4th century) and Công dư tiệp ký (Miscellaneous Records from Leisure Hours) by Vũ Phương Đề (Vietnam, 18th century). By comparing selected stories that share similar plots, characters, or narrative details, the study identifies traces of the Chinese tale-telling tradition deeply imprinted in Công dư tiệp ký, while also revealing Vũ Phương Đề's strategies of adaptation: altering geographical settings, linking stories to local history and belief systems, and reinterpreting moral meanings to align with Vietnamese cultural sensibilities. Applying theories of intertextuality and reception, the paper elucidates the mechanisms of cultural

[*] Trường Đại học Sư phạm, TP. Hồ Chí Minh, ✉ *hangpth@hcmue.edu.vn*

dòng chảy thuyết thoại Đông Á, sự tương tác giữa các văn bản và quá trình sáng tạo ra những tác phẩm mới trên nền tảng văn hóa có sẵn.

Từ khóa: *Liên văn bản, thuyết thoại, tiếp nhận, Sưu thần ký, Công dư tiệp ký*

transformation and creative adaptation. The findings contribute to clarifying the reception and dynamic re-creation of Vietnamese tales of the strange within the broader East Asian narrative tradition, as well as the interaction among texts and the process of generating new works upon preexisting cultural foundations.

Keywords: *Intertextuality, tale tradition, reception,* Sou Shen Ji, Công dư tiệp ký

MỞ ĐẦU

Trong tiến trình giao lưu văn học Trung - Việt thời trung đại, *Sưu thần ký* (搜神記) của Can Bảo (干宝, đời Tấn) được xem là một trong những tác phẩm truyền kỳ - chí quái có ảnh hưởng sâu rộng nhất. Tác phẩm này đã định hình một khuôn mẫu thể loại vừa ghi chép "chuyện lạ", vừa phản ánh tâm thức, quan niệm nhân quả, thiện ác, cùng niềm tin vào thế giới siêu nhiên của con người phương Đông. Ở Việt Nam, *Công dư tiệp ký* (公餘捷記) của Vũ Phương Đề (武芳題, thế kỷ XVIII) [phần Tục biên là của Trần Trợ, nên không thể ghi 1 người được] là một trong những tập truyện ký tiêu biểu mang đậm dấu ấn của văn học chí quái Trung Hoa, đặc biệt là của *Sưu thần ký*. Tuy sáng tác trong bối cảnh lịch sử - xã hội khác nhau, nhưng giữa hai tác phẩm tồn tại mối quan hệ liên văn bản rõ rệt, thể hiện ở mô hình cốt truyện, motif, nhân vật

Vấn đề ảnh hưởng của văn học Trung Quốc đối với văn học trung đại Việt Nam từ lâu đã thu hút sự quan tâm của giới nghiên cứu, đặc biệt trong các lĩnh vực truyền kỳ - chí quái. Các học giả đều thừa nhận rằng cùng với sự du nhập của chữ Hán và tư tưởng Nho - Phật - Lão, truyền thống "thuyết thoại" (truyện kể kỳ dị, thần linh, nhân quả) của Trung Hoa cổ đại cũng để lại dấu ấn sâu sắc trong tiến trình hình thành và phát triển của văn xuôi tự sự Việt Nam. Ở Trung Quốc, *Sưu thần ký* (搜神記) của Can Bảo (干宝, thế kỷ IV) được xem là tác phẩm tiêu biểu mở đầu cho dòng văn học chí quái, đặt nền tảng cho nghệ thuật kể chuyện siêu nhiên trong khu vực Đông Á. Tác phẩm này đã được nhiều học giả Trung Quốc và Việt Nam nghiên cứu ở các phương diện: kết cấu truyện ngắn, mô típ thần - quỷ - người, ý nghĩa đạo đức - tôn giáo, cũng như vai trò trung gian giữa thần thoại và truyền kỳ. Tại Việt Nam, từ thế kỷ XVI đến XVIII, nhiều tác phẩm như *Truyền kỳ mạn lục, Thánh Tông di thảo, Công dư tiệp ký*… đã kế thừa và sáng tạo trên nền tảng của thuyết thoại Trung Hoa.

Đã có một số công trình đi sâu nghiên cứu so sánh STK và một số tác phẩm truyện cổ của Việt Nam như: "Kiểu truyện "Đánh lui thần sấm" trong truyện cổ dân gian Việt Nam, Trung Quốc và Nhật Bản" [Nguyễn Thị Oanh, 2008]. *Nghiên cứu so sánh Sưu thần ký (Trung Quốc) với một số truyện chí quái Việt Nam từ góc độ đặc trưng thể loại và ngôn ngữ Hán văn* [Vũ Thị Hương, 2016]; "So sánh yếu tố kỷ ảo trong tác phẩm *Lĩnh Nam chích quái* và *Sưu thần ký*" [Lê Thúy Hằng, 2026]; "Chi tiết kì ảo trong "Truyện cổ rùa vàng"-sách *Lĩnh Nam chích quái liệt truyện* và *Sưu thần kí* từ góc nhìn so sánh" [Nguyễn Thị Tính, 2026]; "Nghệ thuật tự sự trong truyện về đề tài sông/biển - một so sánh giữa *Sưu thần ký (Trung Quốc), Kim tích vật ngữ tập (nhật bản)* và *Lĩnh Nam chích quái (Việt Nam)*" [Trần Thị An, 2026]... song nói chung, các công trình nghiên cứu so sánh *Sưu thần ký* và *Công dư tiệp ký* vẫn còn ít người quan tâm. Tuy nhiên, ở các nghiên cứu trước thường nhấn mạnh yếu tố ảnh hưởng, nhưng chưa phân tích cơ chế "tiếp biến" - tức là sự biến đổi, thích nghi và sáng tạo của Vũ Phương Đề trong quá trình Việt hóa mô hình thuyết thoại Trung Hoa. Do đó, bài viết này dựa trên các phương pháp: nghiên cứu liên văn bản, so sánh đối chiếu, tổng hợp và phương pháp lịch sử văn hóa để tìm hiểu và bổ sung cho khoảng trống nghiên cứu, đồng thời góp phần làm rõ quá trình lan tỏa và bản địa hóa văn học Trung Hoa trong không gian văn học Việt Nam.

1. Sự tiếp biến các motif của *Sưu thần ký* trong *Công dư tiệp ký*

Sưu thần ký (STK) gồm 464 truyện, chia thành 20 quyển, nội dung rất phong phú, mỗi quyển tập trung vào một chủ đề, chủ yếu bàn về thần tiên thuật sĩ, quan niệm về thần quỷ, chiêm bốc, dự báo cát hung cùng với tư tưởng về thiện ác báo ứng. *Công dư tiệp ký* (CDTK) cũng có các nhóm truyện được xếp theo môn loại. CDTK có 3 phần: Tiền biên, Tục biên và Bổ di. Tiền biên (tức nguyên tác) gồm có 43 truyện chia thành 12 loại mục: Thế gia (Gia đình dòng dõi), Danh thần (bề tôi danh tiếng), Danh Nho (nhà Nho danh tiếng), Tiết nghĩa (người giữ khí tiết), Chí khí (người có chí khí), Ác báo (người làm ác bị quả báo), Tiết phụ (phụ nữ tiết hạnh), Ca nữ (gái hát), Thần quái (chuyện thần kỳ quái dị), Âm phần dương trạch (chuyện để mồ mả, chọn hướng nhà), Thú loại (chuyện thú vật). *Tục biên* gồm 62 truyện, chia thành chín loại mục: Danh thần, Danh Nho, Dâm từ (đền thờ các vị thần không đoan chính), Mộng ký (truyện trong mộng), Tài nữ (phụ nữ tài giỏi), Tiên Thích (tiên Phật), Thần từ (đền thờ thần), Sơn xuyên (núi sông), Phả ký (hành trạng nhân vật rút từ Gia phả). Bổ di gồm 5 truyện, không chia loại.

STK và CDTK, dù cách viết và bối cảnh khác nhau, nhưng tồn tại nhiều motif tương đồng, cho thấy sự kế thừa và tiếp biến sâu sắc của văn học Việt Nam đối với truyền thống chí quái Trung Hoa, thể hiện qua hệ thống các motif.

1.1. Motif "người thường hóa thần linh"

Đầu tiên có thể kể đến motif người thường sau khi mất trở thành thần linh. STK có truyện "Tưởng Tử Văn thành thần", "Lưu Kỷ chết làm thần" [Can Bảo, 2022: 136, 138]. CDTK có truyện "Cha già lặn xuống suối để tìm con gái" kể về ông lão diệt giao long để rửa mối hận mất con gái [STK quyển 2: 64]. Tưởng Tử Văn và ông lão vô danh ấy sau khi mất đều được phong thần. Tuy nhiên, lý do được phong thần có khác nhau. Tưởng Tử Văn sinh thời luôn miệng nói sau khi mất đi sẽ thành thổ thần ban phúc cho dân và ra sức kêu gọi dân chúng lập đền thờ, bằng không sẽ gặp họa lớn. Và quả thật Tưởng Tử Văn đã trở thành ma quỷ gây họa cho dân. Triều đình thấy không ổn bèn phái sử giả xuống phong thần, lập miếu thờ. Lưu Kỷ lúc sinh thời cũng thường nói sau khi chết đi sẽ thành thần. Còn ông lão trong CDTK trở thành thần sau khi lập công diệt trừ họa giao long cho trăm họ được nhờ. Tưởng Tử Văn được thờ vì người ta sợ bị ông giáng họa, còn ông lão được đời đời hương hỏa vì dân chúng thương tiếc và cảm cái ân sâu.

Chi tiết dùng thần uy để đe dọa cũng được Vũ Phương Đề kế thừa trong CDTK, ví dụ như trường hợp truyện Cường Bạo đại vương đánh thần sấm. Cường Bạo vương không phải là người hiếu thuận cha mẹ, ông chỉ thờ Táo Quân mà thôi. Nhờ mưu kế của Táo quân bày cho mà đánh thắng thiên lôi. Về sau vì quá tự phụ, mắc lừa Táo Quân mà bị sét đánh chết. Sau khi chết, ông đã đe dọa dân làng, bắt phải lập miếu thờ thì mới cho họ được yên ổn. Như vậy, những bậc được phong thần không phải ai cũng đạo cao đức trọng. Nhân vật được thờ cúng như một vị thần đôi khi chỉ vì được dân kính và sợ. Vì sợ nên phải thờ để được yên. Điều này thể hiện tín ngưỡng nguyên thủy của loài người.

Trong CDTK, phần nhiều các nhân vật được phong thần là quan lại, nho sĩ, hoặc dân thường lương thiện. Họ có hành động nghĩa hiệp, có lòng trung hiếu, hoặc công lao cứu dân, sau khi chết được thần linh hóa, hiển ứng hoặc được sắc phong. Người thường hóa thần linh có thể chia làm hai trường hợp: Một là nhờ lương thiện mà được thần trợ giúp rồi hóa thần linh. Ví dụ như chuyện hai cô gái khấn xin Đế Thích phò hộ để trở về cố hương, sau đó trở thành hai nữ thần, được lập miếu thờ. Hai là nhờ vào những sự kiện quái dị xảy ra mà trở thành thần linh, như chuyện dị nhân làng Hạ Bì, kể có chàng thanh niên chuyên nghề đi bán trai hến, một hôm đi ra bể thấy có hai con trâu đang chọi nhau dữ dội, anh cầm đòn gánh phang cả hai con. Khi nhìn lại đòn gánh thì thấy có mấy sợi lông cắm phập vào đó, anh cho là một linh vật nên nuốt chửng. Từ đó anh trở nên khỏe mạnh và có tài lặn xuống nước chẳng khác gì đi trên đất bằng. Về sau nhờ tài ấy mà lặn đục thủng chiến thuyền của giặc, lập nhiều công trạng. Sau khi mất, anh được triều đình tấn phong tước Đại Vương, được nhân dân kính yêu thờ cúng như một vị phúc thần [Vũ Phương Đề,

1962: 47]. Những con người lao động bình thường nhờ vào yếu tố thần kỳ mà bỗng có được năng lực phi thường, rồi dùng năng lực phi thường ấy để giúp nhân dân chống giặc ngoại xâm. Điều này thể hiện ước mơ của nhân dân về một người anh hùng xuất thân trong nhân dân, vì nhân dân mà chiến đấu, đời đời được nhân dân kính yêu, thờ phụng.

Motif người hóa thần trong STK nhấn mạnh khía cạnh tín ngưỡng dân gian nguyên thủy: kính sợ và tin thờ những điều khiến mình sợ hãi. Trong CDTK, motif này thể hiện sự tri ân đối với người có công. Quá trình "thần hóa" thể hiện sự tương thông giữa đạo đức và thiên mệnh: người có đức, dù phàm tục, cũng có thể được hóa thân thành thần linh - đó là quy luật của đạo trời. Motif này trở thành công cụ thể hiện tinh thần dân tộc: nhiều nhân vật Việt Nam được dân gian tôn thần vì lòng trung nghĩa, giúp dân, cứu nước - biểu hiện niềm tin rằng công đức của con người sẽ được cộng đồng dân tộc và thần linh ghi nhận. Chi tiết phong thần khẳng định mối liên hệ giữa ba mặt đạo đức - công trạng - thần hóa. Nhân vật phải có đạo đức phù hợp với những quy chuẩn đạo đức của cộng đồng dân tộc, có công lớn với dân, với nước thì mới được phong thần. Ở đây, công trạng xã hội, đạo đức cá nhân đã thay thế cho nguồn gốc thần thánh truyền thống.

1.2. Motif thế tục hóa thần linh và vấn đề ứng xử giữa con người với thần linh

Bên cạnh những chuyện kể về người thường được thần hóa, STK và CDTK còn có nhiều câu chuyện mang xu hướng "thế tục hóa thần linh". "Thế tục hóa thần linh" là quá trình biến các hình tượng thần thánh, siêu nhiên vốn thuộc phạm trù tôn giáo - tín ngưỡng trở nên gần gũi, mang tính con người hơn, thậm chí bị "kéo xuống" khỏi vị trí linh thiêng để tham gia vào đời sống thế tục. Thần linh trong các truyện không chỉ là biểu tượng siêu việt, cai quản thiên - địa - nhân, mà trở thành những nhân vật có cảm xúc, dục vọng, tính cách, hành vi giống người trần. Thần - người có thể giao tiếp với nhau bình thường. Thần có các tính cách của con người: Thần biết yêu, ghen, giận, sợ, có sai lầm và cũng phải chịu luật nhân quả. Thần tham gia vào đời sống thế tục như hiện ra trò chuyện, kết bạn, cưới vợ, thưởng phạt, báo thù… như con người. Cõi âm, cõi tiên, cõi thần trở thành phần kéo dài của thế giới con người, không còn ranh giới tuyệt đối. Chi tiết hôn phối với tượng, con người thành thân với thần linh xuất hiện khá phổ biến trong STK. Ví dụ như các truyện "Ở miếu Tường Sơn đùa muốn lấy vợ" (Can, 2022, tr. 139), Tưởng Hầu yêu mến Ngô Vọng Tử [Can Bảo, 2022: 140). Điều này thể hiện sự chuyển biến từ tâm lý ngưỡng vọng đến thành mong cầu gắn kết trần tục.

Việc người thường giao tiếp với thần linh trong STK và CDTK đều khai thác mối quan hệ giữa con người và cõi vô hình, phản ánh niềm tin vào sự tương thông âm - dương trong tư duy Đông Á. Trong STK, sự giao tiếp giữa con người và thần linh diễn ra thường

xuyên, thế giới con người và thế giới thần linh không tách biệt tuyệt đối. Can Bảo tin rằng thần - quỷ - người cùng tồn tại trong một vũ trụ, nơi luôn có sự giao cảm con người - thần linh, nhân gian - thần giới. Con người có thể giao tiếp với thần linh thông qua mộng mị, linh ứng, hóa thân, lên đồng, thờ phụng hoặc gặp gỡ trực tiếp. STK đã đặt ra vấn đề ứng xử giữa con người với thần linh. Tôn kính thờ phượng thì nhận được phúc báo, ngược lại ngờ vực, bất kính thì bị giáng họa. Âm Tử Phương nhờ hiếu thuận, chăm chỉ tích đức, cúng kiếng Táo Quân cẩn thận nên nhanh chóng trở nên giàu có, con cháu vinh hiển [Can Bảo, 2022: 134], cô gái họ Đới thờ thần đá nên được phù hộ vượt qua bệnh tật [Can Bảo, 2022: 135], Đới Văn Mưu nghi ngờ thần nên thần bỏ đi [Can Bảo, 2022: 133]… Thần linh có thể ban phúc hoặc giáng họa, tùy theo hành vi đạo đức của con người. Tuy nhiên, trong CDTK, thần ban phúc hay giáng họa không chỉ phụ thuộc vào hành vi của con người mà còn tùy thuộc vào loại thần. Có thần ban phúc, cũng có thần giáng họa, từ sự phân biệt đó mà có sự ứng xử khác nhau. Điều này thể hiện tư duy nhị nguyên trong phong tục thờ cúng của người xưa. Truyện "Thần miếu xã Kim Tông phá đê, làm mất nhuệ khí Điền Quận" [Vũ Phương Đề, 1962, quyển 2: 48] phản ánh công cuộc trị thủy đầy gian nan của con người, nhưng thành bại lại do thần quyết định, kết quả phụ thuộc vào việc thần có ban phúc hay không. Chi tiết thần linh không phù trợ dẫn đến thất bại đã lý giải nguyên nhân thất bại của con người trước sự hung bạo của thiên nhiên. Con người đôi khi bị khuất phục và phải chịu thúc thủ trước thần linh. Câu chuyện cũng thông qua đó mà giải thích phong tục thờ cúng thủy thần ở những địa phương thường gặp thủy tai.

Tuy nhiên, trong mối quan hệ giữa người và thần linh, không phải lúc nào thần linh cũng khuất phục được con người. Thần linh không phải lúc nào cũng được tôn thờ tuyệt đối. Thần đôi khi cũng phải chịu thua trước trí khôn con người (Cường Bạo vương đánh thần sét). Thần đôi khi cũng bị đánh (Cường Bạo vương), thần bị quát mắng (Điền Quận công mắng thủy thần) hoặc bị con người đánh lừa (kẻ trộm mặc quần áo con hát vào miếu trộm đồ mà thần không hay biết)… Kiểu truyện thần sấm bị đánh đã có trong STK. Truyện "Thần sấm xuống đất" (quyển 12) kể rằng thời nhà Tấn có Dương Đạo Hòa người quận Phù Phong, mùa hè đi làm ruộng gặp trời mưa, bèn tới gốc dâu để tránh. Thần Sấm xuống hẳn dưới đất để đánh ông ta. Dương Đạo Hòa dùng cuốc để đánh lại thần Sấm, làm gãy đùi của thần Sấm. Thần Sấm bèn ngã lăn ra đất, không thể bay về trời. Truyện còn miêu tả thần Sấm môi đỏ như son, mắt sáng như hai chiếc gương, sừng có lông tơ mọc dài ba tấc, trông giống gia súc, đầu trông giống con khỉ (Can, 2022, tr. 267). Ý nghĩa của truyện đánh lui thần Sấm trong STK và CDTK đều là biểu hiện của con người không khuất phục thiên uy. CDTK phát triển câu chuyện với nhiều tuyến nhân vật, trong đó có Táo Quân đứng về phía Cường

Bạo vương, bày mưu cho ông chống lại thần Sấm, nhân vật Thượng Đế tối cao phải nhượng bộ Cường Bạo. Cuối cùng, vì kiêu ngạo mà Cường Bạo bị Táo Quân đánh lừa, chết dưới tay thần Sấm. Truyện đề cao trí khôn và sức mạnh của con người, đồng thời nêu cao bài học đạo lý: Ngỗ ngược, kiêu ngạo sẽ chuốc lấy hậu quả. Dương Đạo Hòa đánh thần Sấm chỉ đơn thuần là để tự vệ, Cường Bạo đánh thần Sấm nhằm thị uy với nhà trời, thách thức thiên uy, thỏa mãn cá tính ngỗ ngược. Chi tiết mồng tơi giã lấy nước pha trộn với dầu mỡ để làm trượt chân thần Sấm và chi tiết kết bè chuối đối phó với thủy thần phản ảnh đúng bối cảnh xã hội nông nghiệp, điều kiện tự nhiên của Việt Nam. Mặc dù Cường Bạo vương sau khi mất được thờ cúng nhưng hình ảnh Cường Bạo không phải là kiểu nhân vật được tôn vinh. Giải thích về điều này, nhà nghiên cứu Nguyễn Thị Oanh cho rằng "Do ra đời muộn vào giai đoạn xã hội Việt Nam có nhiều biến động nên cảm hứng tôn vinh đã trở nên mờ nhạt trong kiểu truyện "đánh lui thần Sấm" của Việt Nam và đó là điểm khác biệt lớn nhất so với cùng kiểu truyện ở Trung Quốc và Nhật Bản" [Nguyễn Thị Oanh, 2008]

2. Sự tiếp biến yếu tố kỳ ảo của *Sưu thần ký* trong *Công dư tiệp ký*

Trong STK, các nhân vật thần thông phần nhiều là đạo sĩ (Vu Cát, Tả Từ, Giới Diễm…), các phép thần thông là pháp thuật của Đạo gia. Pháp thuật là phương tiện để con người thoát khỏi vòng cương tỏa của quyền lực. Cường quyền ko làm hại được họ (Vu Cát, Giới Diễm). Thậm chí con người không ít lần thách thức cường quyền (Từ Quang phục thù). Pháp thuật thiên biến vạn hóa, không gì là không làm được: hô mưa gọi gió, dời sông lấp bể, trừ ma diệt quỷ, phục sinh người chết… Điều đó chứng minh sự hưng thịnh của đạo thần tiên phương thuật lúc bấy giờ, đồng thời thể hiện mong muốn của con người về những khả năng phi thường thoát tục nhằm bảo vệ bản thân trước tai họa. Trong STK, yếu tố thần quái gắn với nhân quả báo ứng, thiện ác hữu báo - thể hiện niềm tin của người xưa rằng trật tự đạo đức luôn được duy trì bằng quyền năng siêu nhiên.

Motif tái sinh trong STK có ý nghĩa tiên tri thời cuộc, như chuyện cô gái tên Triệu Xuân mắc bệnh chết, sau bảy ngày quàn liệm thì sống lại [Can Bảo, 2022: 169]. Truyện có lời bình rằng đó là "âm cực thịnh chuyển thành dương, kẻ ti tiện sẽ biến thành cao quý", sau đó xảy ra sự kiện Vương Mãng soán ngôi vua. Chuyện "Họ Hoàn sống lại" sau khi khâm liệm được một tháng [Can Bảo, 2022: 178] cũng có ý nghĩa như vậy: "Âm cực chuyển sang dương, kẻ dưới lại biến thành người trên", sau đó Tào Tháo khởi nghiệp từ một kẻ sĩ bình thường… Sự tái sinh của một người bình thường bỗng mang màu sắc chiêm bốc, dự đoán cát hung, lý giải điềm báo hưng khởi, suy vi của các triều đại. Nó thể hiện sự bất an của con người trước những biến động, cải triều hoán đại, đồng thời phản ánh cách lý giải các sự kiện lịch sử theo tư duy của người cổ đại.

Những sự kiện kỳ lạ trong STK thường được dùng như một phương tiện để phản ánh thời cuộc hoặc lý giải lịch sử theo chiều hướng thần bí. Những sự sinh nở bất thường (động vật sinh ra người hai đầu, người sinh ra quái thú, quái thai), những việc kỳ lạ so với thông thường (gà mái gáy, chim sẻ đánh nhau, cỏ mọc lên giống hình người, đất chảy máu)… đều được xem là dự báo cho những điềm xấu. Dạng quái thai thường gặp nhất ở người và động vật là sinh ra người hai đầu hoặc con vật có hai đầu (bò bê sinh hai đầu, ngựa sinh câu hai đầu ???), dự báo thiên hạ chia cắt. Gà mái gáy hoặc gà mái biến thành gà trống, gái hóa trai đều là hiện tượng âm lấn át dương. Âm dương thiếu đi sự hài hòa và cân bằng, theo thuyết âm dương, hẳn là điềm gở.

Chuyện người chết tái sinh hoặc người sinh quái thai, động vật sinh quái thai, gà mái gáy hoặc gà mái biến thành gà trống có thể là những sự kiện có thật, nhưng do thời đại của Can Bảo còn hạn chế về trình độ y học lẫn khoa học kỹ thuật nên những sự kiện đó được lý giải một cách thần bí theo thuyết âm dương hoặc gắn với lời chiêm bốc có liên quan đến thời cuộc. Sự lý giải đó phản ánh thế giới quan của người cổ đại đồng thời thể hiện mong muốn đoán biết được điềm xấu để né tránh tai họa cũng như biết được điềm lành để làm theo. Xu hướng ấy phản ánh nỗi bất an của con người trong một xã hội đầy biến động, thiên hạ chia cắt rồi lại thống nhất, thống nhất rồi lại chia cắt; các vương triều phế rồi lại hưng, hưng rồi lại phế. Con người bất lực trước thời cuộc cũng như thúc thủ trước quy luật sinh tử vô thường.

Thế giới kỳ ảo trong CDTK cũng kế thừa cách nhìn hai tầng của STK: thực và ảo, người và thần, dương gian và âm phủ. Song Vũ Phương Đề không chỉ "ghi chép chuyện lạ" mà còn gửi gắm thái độ phê phán hiện thực. Qua chuyện ma, chuyện quỷ, ông gián tiếp nói về sự thối nát của xã hội phong kiến cuối Lê đầu Trịnh, bộc lộ khát vọng công bằng và nhân đạo. Yếu tố kỳ ảo trong CDTK là phương tiện để phản ánh hiện thực, nêu cao tinh thần yêu nước chống ngoại xâm. Bên cạnh kiểu nhân vật thần linh, CDTK còn có những nhân vật là con người bình thường có những năng lực phi thường như trạng nguyên cơm Lương Hữu Khánh, Lê Như Hổ với sức ăn hơn người, dị nhân làng Hạ Bì với tài năng bơi lặn... Năng lực của họ không phải là năng lực siêu nhiên thần bí mà lại rất đời thường, bình thường thì phục vụ cho lao động sản xuất, khi có ngoại xâm thì năng lực ấy phục vụ cho công cuộc chống ngoại xâm, bảo vệ nhân dân. CDTK ca ngợi sức mạnh và trí thông minh của người Việt, sự ứng phó tức thời trong quan hệ bang giao, khiến cho triều đình phương Bắc cũng phải công nhận nước ta địa linh nhân kiệt, như chuyện Lê Như Hổ đi sứ bị thách thức ăn sọ người, Lê Như Hổ cầu mưa... Trong mục "Danh thần", "danh Nho", CDTK viết về những con người thật, có quê quán, niên đại, hành trạng… cùng với nhiều giai thoại. Ngoài ra còn các tấm gương trung trinh tiết liệt. Yếu tố kỳ ảo được

sử dụng nhằm làm nổi bật công trạng của những con người bình thường nhưng phi thường trong công cuộc chống giặc ngoại xâm, nêu cao tinh thần yêu nước. Nguyễn Văn Hoài nhận xét: Bên cạnh những thần thánh uy nghiêm, những anh hùng dân tộc kỳ vĩ, ở "Công dư tiệp ký", ta đã thấy xuất hiện những con người bình thường, thế nhưng họ đã có những hành động yêu nước, mưu trí, dũng cảm phi thường. Đấy là những anh hùng vô danh như cô gái làm nghề xướng ca trong "Đào nương ký", là người đàn ông không tên tuổi trong "Hạ Bì dị nhân ký"... Những trang sử chính thống đã bỏ quên họ, nhưng "nghìn năm bia miệng" vẫn khắc sâu hình ảnh anh hùng cao đẹp của họ. Vũ Phương Đề là một trong những người đầu tiên đã đưa những con người bình dị nhưng không kém khí phách anh hùng ấy vào trang viết của nhà nho. Như chúng ta đều biết, ngọn bút của nhà nho dùng để "khuyến thiện, trừng ác" chứ nào phải để mua vui, họ Vũ cũng không nằm ngoài tư tưởng đó [Nguyễn Văn Hoài, 2009].

Về thể loại, STK thực chất là tiểu thuyết chí quái. CDTK đến gần với truyện ký hơn. Một bên là chuyện hư cấu, một bên là chuyện về người thật việc thật được ly kì hóa. CDTK đã phát triển thành truyện có cốt truyện hoàn chỉnh, nhân vật, đối thoại, tâm lý. STK được sáng tác vào thời Đông Tấn, khi xã hội loạn lạc, tư tưởng hoài nghi và tín ngưỡng thần quỷ lan rộng. Can Bảo vốn là sử quan, nên viết tác phẩm này với ý hướng ghi chép những hiện tượng dị thường như một phần của lịch sử nhân gian, nhằm bổ sung cho chính sử - điều mà ông gọi là "tư sử chi chí quái". Người đọc thời bấy giờ có lẽ cũng nhìn nhận và tin những câu chuyện kể trong STK là thật vì nó phù hợp với nhận thức và thế giới quan thần linh ma quỷ của họ. Trong khi đó, CDTK ra đời trong bối cảnh Lê - Trịnh phân tranh, trật tự xã hội rối ren, nhân tâm biến động. Vũ Phương Đề viết tác phẩm này vừa để ghi chép chuyện kỳ lạ, vừa để kín đáo phê phán thói đời, gửi gắm đạo lý và nhân sinh quan của nho sĩ Việt Nam. Trong CDTK, Vũ Phương Đề kế thừa tinh thần của chí quái, truyền kỳ của STK, song yếu tố chí quái không còn là mục đích mà trở thành phương tiện. CDTK ghi chép về các nhân vật có thật một cách ly kỳ nhằm tôn vinh, ca tụng hoặc gửi đi một thông điệp nào đó về triết lý nhân sinh. Những câu chuyện, giai thoại tuy chưa thể xác nhận có thật hay không, ông vẫn ghi chép lại để cho người sau kê cứu.

Cũng như STK, CDTK kết hợp ghi chép và tưởng tượng nhưng giàu chất văn học hơn, dung lượng mỗi truyện dài hơn, cốt truyện phức tạp hơn với nhiều tình tiết và tuyến nhân vật. Trong CDTK, các motif kỳ ảo được tái tạo để phục vụ mục đích đạo đức và hiện thực; nhân vật được đặt trong không gian, tâm lý Việt. Kế thừa tinh thần "răn đời" của STK, CDTK thể hiện chủ trương "văn dĩ tải đạo": xen lẫn trong câu chuyện hoặc ở phần cuối mỗi truyện của CDTK là những bình luận của cá nhân tác giả về đạo lý nhân sinh. Như vậy, CDTK của Vũ Phương Đề là một quá trình tiếp nhận, chuyển hóa và sáng tạo: từ "tiểu thuyết chí quái"

sang "truyện ký", từ "kỳ lạ" sang "thực tại hóa", từ "mô phỏng" [không dễ chứng minh] đến "Việt hóa". Về nội dung, sự chuyển hóa thể hiện ở chỗ từ tin vào sự can dự trực tiếp của thần linh vào thế gian (STK), đến chỗ sử dụng thần linh như biểu tượng của lẽ công bằng, đạo đức (CDTK). Yếu tố kỳ ảo trong STK là nguồn gốc và khuôn mẫu cho truyền thống truyền kỳ - chí quái Á Đông, còn trong CDTK, nó được tiếp biến theo hướng thế tục hóa, hiện thực hóa và Việt hóa, phục vụ cho mục đích chuyển tải đạo lý và phản ánh xã hội. Đó là hành trình từ cái "kỳ ảo" siêu hình của Can Bảo đến cái "kỳ ảo" nhân sinh của Vũ Phương Đề.

KẾT LUẬN

Qua việc khảo sát và so sánh hai tác phẩm, có thể khẳng định CDTK là kết quả của sự giao thoa giữa văn học chí quái Trung Hoa, tiêu biểu là STK và thể loại truyện ký của Việt Nam thế kỷ XVIII. Từ "dấu vết" của Can Bảo, Vũ Phương Đề đã xây dựng nên một thế giới kỳ ảo mang đậm hồn Việt - nơi cái lạ gắn với đạo lý, cái huyền dị song hành cùng hiện thực nhân sinh. Tuy kế thừa tư tưởng "vạn vật hữu linh" và thế giới quan đa thần của STK, CDTK là bước chuyển từ thần thoại - truyền kỳ sang hiện thực, phản ánh sự phát triển của tư duy nghệ thuật và nhân sinh quan, dùng yếu tố thần kỳ để nói chuyện thế tục, đạo đức, xã hội. Chính sự kế thừa và sáng tạo ấy đã giúp CDTK trở thành một tác phẩm quan trọng trong tiến trình hình thành văn xuôi tự sự Việt Nam trung đại[*].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Trần Thị Kim Anh (2007), "Công dư tiệp ký vấn đề tác giả và văn bản tác phẩm. *Tạp chí Hán Nôm, Số* 3 (83) 2007, tr. 13 - 24.

Can Bảo, *Sưu thần ký*. Nguyễn Thị Oanh dịch (2022). Hà Nội, NXB Khoa học xã hội.

Nguyễn Văn Hoài (2009). Đôi điều bổ sung thêm về tác giả và tác phẩm "Công dư tiệp ký". http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/nghien-cuu/h%C3%A1n-n%C3%B4m/259-oi-iu-b-sung-them-v-tac-gi-va-tac-phm-cong-d-tip-ky.html

Giáo dục

Vũ Thị Hương (2016). *Nghiên cứu so sánh Sưu thần ký (Trung Quốc) với một số truyện chí quái Việt Nam từ góc độ đặc trưng thể loại và ngôn ngữ Hán văn*. Luận án TS. Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Trần Nghĩa (1996). Góp phần giải quyết những vấn đề văn bản học đang đặt ra với "Công dư tiệp ký", Tạp chí Hán Nôm số 4/1996. https://hannom.vass.gov.vn/web/tchn/DATA/9604v.htm

Nguyễn Thị Oanh (2008), "Kiểu truyện "Đánh lui thần sấm" trong truyện cổ dân gian Việt Nam, Trung Quốc và Nhật Bản", *Tạp chí Hán Nôm Số 3*(88), tr.32-49.

[*] Bài viết đã tham gia Hội thảo Khoa học Quốc tế: *Giao lưu văn hóa, văn học giữa Việt Nam và các nước Đông Á, thời Trung - Cận đại,* được tổ chức vào ngày 23/7/2023, tại trường Đại học Thăng Long.